

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Công ty trong năm 2022 và kế hoạch 2023 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê nhiệm kỳ 2022-2027 có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên Hội đồng quản trị điều hành và 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Thạc Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập
3	Bà Trần Hải Yến	Thành viên HĐQT kiêm TGD

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 16 buổi họp. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ. Hội đồng Quản trị đã thông qua một số nội dung chính như sau:

- Thông qua việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Thông qua việc Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
- Cùng nhiều quyết định quan trọng khác.

HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt và kịp thời những yêu cầu của cổ đông như tổ chức, phân công HĐQT, tổ chức họp định kỳ các cuộc họp HĐQT, tương tác thường xuyên với Ban kiểm soát, tiếp xúc và thông tin định kỳ với Nhà đầu tư. HĐQT tiếp nhận các ý kiến đề xuất của Ban Tổng Giám đốc, chất vấn để làm rõ và đáp ứng kịp thời những nhu cầu về nguồn

nhân lực, sự thay đổi chính sách kinh doanh, nhu cầu đầu tư mở rộng, chính sách với người lao động nhằm tạo động lực phát triển tốt nhất cho Công ty.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

Năm 2022 là năm mà hoạt động kinh tế toàn cầu đang trải qua một cuộc suy thoái trên diện rộng và mạnh hơn dự kiến. Lạm phát toàn cầu cao chưa từng thấy trong vài thập kỷ qua, tăng từ 4.7% vào năm 2021 lên 8.8% vào năm 2022, dự kiến giảm xuống 6.5% vào năm 2023 và 4.1% vào năm 2024. Chi phí năng lượng tăng cao là lực cản lớn đối với tăng trưởng thu nhập và sản xuất. Chi phí vốn tăng lên gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư. Lạm phát làm giảm sức tiêu dùng của người dân, sức mua của người dân toàn cầu giảm dẫn đến sản xuất thế giới thu hẹp do không có đơn hàng. Điểm mới của kinh tế thế giới năm 2022 là các nền kinh tế phát triển đang phải chịu đựng mức lạm phát rất cao, từ đó, lan sang các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển; Mỹ, Liên minh châu Âu (EU) và Trung Quốc đều chứng kiến mức tăng trưởng giảm nhiều nhất thế giới, ngược với các nền kinh tế tại châu Á - Thái Bình Dương và Trung Đông (như Ấn Độ và Saudi Arabia)....

Trong bối cảnh kinh tế thế giới u ám, Việt Nam – quốc gia với nền kinh tế có độ mở cao, phải đối diện với áp lực điều hành giá, lãi suất, tỷ giá trước xu hướng lạm phát toàn cầu tăng cao và chính sách thắt chặt tiền tệ của các ngân hàng trung ương Mỹ và châu Âu (hai thị trường xuất khẩu chính chiếm 41% thị phần xuất khẩu của Việt Nam). Tuy nhiên, dù không tránh khỏi những tác động bất lợi của kinh tế toàn cầu nhưng kinh tế Việt Nam 2022 vẫn có dấu hiệu phục hồi, về cơ bản đã vượt qua những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 và đang lấy lại đà tăng trưởng. Năm bắt được những khó khăn và thuận lợi trên, HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã chủ động nhận định, phân tích đúng tình hình, kịp thời đề ra các mục tiêu, linh hoạt đề ra các định hướng phù hợp với tình hình thực tế để vừa tối ưu hóa nguồn lực của mình, vừa tận dụng kịp thời và tối đa các cơ hội kinh doanh mới được tạo ra do những thay đổi cả khách quan và chủ quan của môi trường kinh doanh.

Trong năm 2022, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và đem lại hiệu quả cho Công ty. Các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, giám sát chiến lược, quản trị rủi ro, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi mang tính chuyên nghiệp. Về phương diện cá nhân, các thành viên HĐQT đều đã chủ động và tích cực thực thi trách nhiệm của mình một cách chuyên nghiệp, có đóng góp thiết thực và hiệu quả vào thành tích chung của doanh nghiệp.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất Filler của Công ty vẫn tiếp tục có sự tăng trưởng nhưng hiệu quả mang lại không thực sự cao và không đạt được đúng như kỳ vọng. Một phần lý do bởi sự biến động mạnh của giá nguyên vật liệu đầu vào (hạt nhựa nguyên sinh, phụ gia, ...) và sự thắt chặt chính sách tiền tệ khiến cho việc kinh doanh của công ty gặp khó khăn. Mặc dù doanh thu được

ghi nhận tăng trưởng so với năm 2021 nhưng lợi nhuận lại có chiều hướng đi xuống.

3. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Năm 2022, Công ty có 01 thành viên hội đồng quản trị độc lập là ông Lê Thạc Tuấn. Thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ các phiên họp trực tiếp hoặc góp ý bằng văn bản trong các lần xin ý kiến của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào chiến lược phát triển và hoạt động của công ty; chủ động trao đổi về các chỉ tiêu kinh doanh, các định hướng phát triển trong từng lĩnh vực hoạt động và đưa ra các đề xuất, giải pháp phù hợp. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT độc lập có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, quản trị, đã đóng góp vai trò quan trọng trong hoạt động quản trị của công ty.

Một số đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022:

- HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, giám sát Ban TGD thực hiện tốt và kịp thời những yêu cầu của cổ đông như tổ chức, phân công HĐQT, tổ chức họp định kỳ các cuộc họp HĐQT, tương tác thường xuyên với Ban kiểm soát, tiếp xúc và thông tin định kỳ với Nhà đầu tư.
- Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã tổ chức 16 buổi họp. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.
- HĐQT tiếp nhận các ý kiến đề xuất của BTGD, chất vấn để làm rõ và đáp ứng kịp thời những nhu cầu về nguồn nhân lực, sự thay đổi chính sách kinh doanh, nhu cầu đầu tư mở rộng, chính sách với người lao động nhằm tạo động lực phát triển tốt nhất cho Công ty.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT

Thù lao, thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc được công bố công khai tại Báo cáo tài chính năm 2022 của công ty. Trong năm 2022, công ty không thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT. Các thành viên HĐQT điều hành nhận thu nhập theo chức vụ điều hành tại công ty.

Các giao dịch giữa công ty và các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.

5. Báo cáo của Hội đồng quản trị về một số Nghị quyết ĐHĐCĐ chưa thực hiện trong năm 2022

a) Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Số lượng cổ phiếu chào bán: **20.000.000 cổ phiếu**

- Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2022 - 2023, thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định, sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và UBCKNN chấp thuận.

Trong năm 2022, tình hình kinh tế, thị trường tài chính không thuận lợi nên công ty chưa triển khai việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ, dự kiến sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2023.

b) Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

❖ Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021

Năm 2022 với nhiều diễn biến phức tạp trên thị trường chứng khoán, ảnh hưởng tiêu cực đến thị giá chứng khoán nói chung, HĐQT cân nhắc quyết định không thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021. Nội dung này sẽ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2023.

❖ Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

Trong năm 2022, HĐQT và Ban điều hành Công ty chưa triển khai được nội dung này.

Để đảm bảo mục tiêu ghi nhận đóng góp, cống hiến của CBCNV cho sự phát triển của Công ty cũng như tạo điều kiện cho CBCNV có năng lực cống hiến, gắn bó lâu dài với Công ty, HĐQT đề nghị triển khai việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm 2023.

6. Về việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn tại Phương án sử dụng vốn thu được từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Ngày 29/08/2022, HĐQT ban hành nghị quyết về việc thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Cụ thể như sau:

Căn cứ mục đích sử dụng vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 183/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/11/2021, Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 29/03/2022, Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐQT ngày 13/05/2022, một phần số vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu (70.000.000.000 đồng) sẽ được Công ty dùng vào mục đích thanh toán nợ vay ngân hàng.

Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế, một số khoản nợ vay ngân hàng đã đến hạn thanh toán trước thời hạn Công ty hoàn thành đợt chào bán riêng lẻ. Do vậy, Công ty đã sử dụng một số nguồn vốn huy động khác để thanh toán nợ vay ngân hàng.

Do đó, để tối đa hiệu quả sử dụng vốn, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định Số vốn huy động từ đợt chào bán (70.000.000.000 đồng) cho việc thanh toán nợ vay ngân hàng, Công ty sẽ sử dụng 21.000.000.000 đồng để thanh toán nợ vay ngân hàng còn lại theo phương án sử

dụng vốn ban đầu đã được thông qua, số tiền 49.000.000.000 đồng Công ty sẽ thực hiện thanh toán nợ nhà cung cấp.

Theo đó, Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là **100.000.000.000 đồng** được Công ty sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Cụ thể như sau:

TT	Mục đích	Số tiền sử dụng (đồng)
1	Thanh toán nợ vay ngân hàng	21.000.000.000
2	Thanh toán nợ nhà cung cấp	49.000.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động khác	30.000.000.000
	Tổng cộng	100.000.000.000

Công ty đã thực hiện sử dụng số vốn thu được theo đúng mục đích nêu trên.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2022

1. Hoạt động kinh doanh

Năm 2022 là một năm nhiều thách thức đối với nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Tình hình xung đột địa chính trị đã đẩy giá nguyên vật liệu tăng cao, giá xăng dầu diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới việc xuất nhập khẩu nguyên liệu và sản phẩm, chính sách thắt chặt tiền tệ cùng tình hình lạm phát cũng như lãi suất tăng vọt trong các tháng cuối năm đã tạo ra một môi trường kinh doanh đầy biến động. Đứng trước những khó khăn từ thị trường, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV luôn đồng lòng, nỗ lực duy trì ổn định hoạt động kinh doanh: doanh thu thuần năm 2022 đạt 2,857 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 40.8 tỷ đồng, giảm 67% so với năm 2021, nguyên nhân do năm 2021 công ty có khoản lợi nhuận đột biến từ hợp nhất công ty con là CTCP Hoàng Gia Pha Lê.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	% tăng/giảm
1	Doanh thu thuần về bán hàng	2,412,715	2,857,491	18%
2	Giá vốn hàng bán	2,157,705	2,462,988	14%
3	Doanh thu tài chính	84,724	75,619	-11%
4	Chi phí tài chính	87,609	172,364	97%
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	125,982	37,823	-70%

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	% tăng/giảm
6	Lợi nhuận khác	7,649	-1,579	-121%
7	Lợi nhuận trước thuế	124,403	45,473	-63%

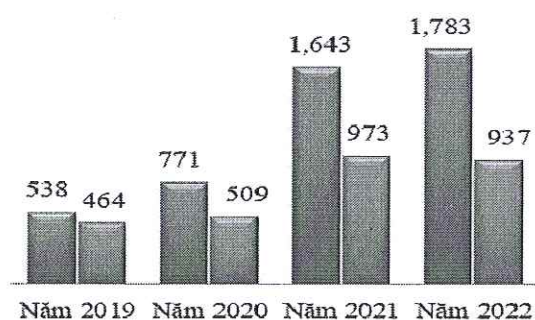
Hoạt động kinh doanh năm 2022 ảnh hưởng bởi các yếu tố chính:

- (i) Xung đột Nga - Ukraina bùng phát từ tháng 2-2022 và kéo dài đã ảnh hưởng nặng nề đến đà phục hồi của chuỗi cung ứng, giá nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới tăng cao. Giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu tăng cao làm giảm hiệu quả biên lợi nhuận sản xuất kinh doanh của công ty.
- (ii) Hoạt động kinh tế toàn cầu trải qua một cuộc suy thoái trên diện rộng, lạm phát gia tăng, chính sách tiền tệ thắt chặt tại hầu hết các nền kinh tế, thương mại hàng hóa suy giảm đáng kể. Là một doanh nghiệp toàn cầu, sản lượng xuất khẩu của PLP luôn đạt tỷ trọng cao trên 70% khiến do triển vọng tăng trưởng sản xuất kinh doanh của công ty không như kỳ vọng.

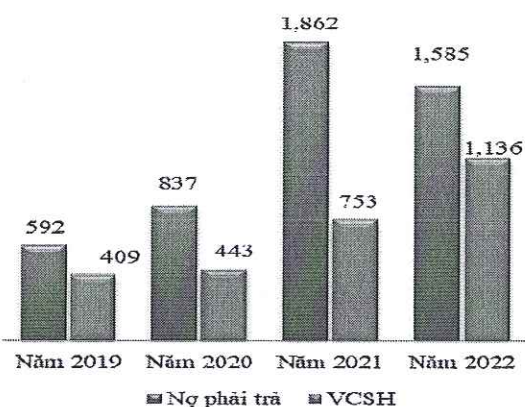
Theo đặc điểm của các ngành sản xuất vật liệu trung gian thông thường, biên lợi nhuận có xu hướng giảm dần do sự tham gia của các nhà đầu tư mới cũng như việc tăng năng suất của đối thủ cạnh tranh. Tuy nhiên, nhờ quá trình phát triển sản phẩm mới là sản đá công nghệ Hoàng Gia Pha Lê (SPC) tại liên doanh CTCP Hoàng Gia Pha Lê, hiệu quả hoạt động sản xuất chung của công ty vẫn được đảm bảo, biên lợi nhuận gộp duy trì ở mức 20.6% doanh thu. Năm 2022 với những biến động của giá nguyên vật liệu khiến biên lợi nhuận gộp của mảng thương mại suy giảm.

2. Cơ cấu tài sản – nguồn vốn

Cơ cấu tổng tài sản



Cơ cấu nguồn vốn



Tổng tài sản của Công ty năm 2022 tiếp tục tăng trưởng nhờ việc hợp nhất với công ty con là CTCP Khoáng sản Minh Cẩm. Với việc đầu tư sở hữu đến 75% cổ phần tại công ty Minh Cẩm, tổng tài sản của Công ty tăng thêm 104 tỷ đồng.

Trong năm 2022, PLP đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng. Cùng với việc hợp nhất 2 công ty con, vốn chủ sở hữu của công ty tăng gần 400 tỷ đồng so với năm 2021.

Nợ phải trả giảm 213 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Do đáo hạn khoản trái phiếu 100 tỷ đồng và thanh toán một số khoản vay ngân hàng dài hạn

3. Hoạt động đầu tư năm 2022

❖ Nhà máy sản xuất sàn đá công nghệ SPC – Nhơn Trạch Đồng Nai

- Nhà máy sản xuất sàn đá công nghệ SPC tại liên doanh góp vốn Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê với công suất 12 triệu m²/ năm đã đi vào vận hành từ năm 2021. Sản phẩm sàn đá công nghệ SPC là sản phẩm xu hướng, tiên tiến trong lĩnh vực vật liệu sàn, đặc biệt triển vọng tại thị trường các nước Mỹ và Châu Âu. Trong năm 2022, các yếu tố về suy thoái kinh tế, lạm phát đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động mua bán, tiêu thụ hàng hóa trên toàn cầu. Sàn đá công nghệ SPC cũng chịu tác động tiêu cực bởi thị trường, số lượng đơn hàng suy giảm trong giai đoạn cuối năm 2022.
- Bên cạnh đó, nhà máy tại Nhơn Trạch, Đồng Nai ở vị trí khá xa với trụ sở và văn phòng điều hành của công ty, giai đoạn kinh tế thị trường bất ổn, diễn biến nhanh chóng khiến việc quản lý đầu tư không đạt hiệu quả. Để đảm bảo nguồn lực tập trung, đầu tư hiệu quả, Hội đồng quản trị công ty đã quyết định thoái bớt vốn tại CTCP Hoàng Gia Pha Lê trong quý I.2023.
- Tuy nhiên, nhận định chung các sản phẩm ván sàn công nghệ đá nhựa vẫn có nhiều ưu thế trên thị trường, đặc biệt là thị trường Mỹ, đây cũng là xu thế của ván sàn nói chung và được đúc kết từ sản phẩm khoáng sản cốt lõi của Nhựa Pha Lê, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục phát triển đầu tư cho các sản phẩm ván sàn công nghệ, đưa sản phẩm ra chinh phục các nước trên thế giới trên cơ sở đảm bảo tối ưu nguồn lực vận hành và hiệu quả đầu tư.

❖ Dự án Khu nhà ở thương mại Cao Xanh Hà Khánh A

- Năm 2022, việc đầu tư bất động sản gặp nhiều khó khăn do tình hình chính sách, tín dụng thắt chặt và thị trường cung cầu diễn biến tiêu cực, rất nhiều doanh nghiệp lớn trong ngành đã sụp đổ. Việc triển khai dự án khu nhà ở Cao Xanh Hà Khánh không đạt tiến độ kỳ vọng trong năm 2022. Tuy nhiên triển vọng năm 2023, thị trường bất động sản đã có những tín hiệu giao dịch trở lại, đặc biệt những khu vực bất động sản du lịch đã có sự sôi động rõ rệt sau khi dịch Covid kết thúc. Đây là lợi thế đối với dự án tọa lạc bên bờ biển TP. Hạ Long, Quảng Ninh và trong tháng 02/2023 vừa qua, Chính phủ đã ban hành quyết định số 80/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 từ đó gỡ vướng cho các vấn đề pháp lý của các dự án Bất động sản tại Quảng Ninh. Dự kiến dự án sẽ được phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm 2024.

❖ Mỏ đá Lèn Minh Cầm – Tuyên Hóa Quảng Bình

- Góp vốn liên doanh tại Công ty cổ phần Khoáng sản Minh Cầm
- Công ty CP KS Minh Cầm đã hoàn tất thủ tục xin cấp giấy phép khai thác với tổng diện tích khai thác và khai trường là 4 hecta. Trữ lượng địa chất là 1,348,068 m³, thời hạn khai thác đến tháng 6/ 2043.

- Năm 2022 dự án đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý để có thể chính thức đi vào hoạt động.

❖ **Mỏ nước khoáng Quang Hanh – Quảng Ninh**

- Mỏ nước khoáng với diện tích gần 1.200 m² tọa lạc tại Phường Quang Hanh, TP. Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, với trữ lượng khai thác tới 1.100m³/ ngày và độ sâu 160m.
- Đây là mỏ nước khoáng duy nhất tại Việt Nam kết hợp được 3 đặc tính: hàm lượng khoáng hóa cao, chứa lượng muối khoáng cần thiết cho cơ thể và lượng Bromin hòa tan trong nước có lợi cho phục hồi sức khỏe, chữa bệnh.
- Hiện dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2022, HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung, chỉ đạo kịp thời giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

HĐQT thực hiện hoạt động giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua việc báo cáo định kỳ của Ban Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT. HĐQT luôn theo dõi sát sao và chỉ đạo kịp thời khi có những công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và bộ máy tổ chức của công ty, phù hợp với các quy định của Công ty và của Pháp luật hiện hành.

Hàng tháng Công ty tiến hành họp sản xuất, kinh doanh, quản lý giữa các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc 02 nhà máy và các cán bộ quản lý. Ban Tổng Giám đốc báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu đề ra trong cuộc họp kỳ trước.

Trong kỳ xét thấy cần thiết, Ban Ban Tổng Giám đốc sẽ triệu tập các cuộc họp đột xuất khi nảy sinh các vấn đề cần xin ý kiến của HĐQT hoặc HĐQT mời Ban Tổng Giám đốc trình bày những nội dung HĐQT thấy chưa phù hợp trong công tác điều hành.

Đánh giá chung:

Đội ngũ Ban Tổng Giám đốc đã tạo được mối quan hệ đoàn kết tốt trong toàn thể Người lao động, phát huy được khả năng chuyên môn của mỗi cá nhân và duy trì được tinh thần làm việc tập thể trong hoạt động sản xuất của Công ty. Ban Tổng Giám đốc cũng tạo điều kiện thuận lợi để các Cán bộ quản lý mới tham gia vào hoạt động điều hành.

Ban Tổng Giám đốc cùng các tổ chức đoàn thể đã ổn định được tư tưởng đội ngũ Cán bộ quản lý cấp cơ sở và CBCNV lao động trực tiếp trong giai đoạn biến động nhân sự cục bộ tại địa phương.

Ban Tổng Giám đốc đã rất linh hoạt, theo sát, nắm vững diễn biến của tình hình thị trường để có những chính sách, giải pháp phù hợp đối với những thay đổi của môi trường kinh doanh để thực

hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong điều kiện vừa phải đảm bảo hoàn thành tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh vừa phải triển khai khối lượng công việc lớn liên quan đến việc xây dựng hệ thống quản trị các công ty liên kết, từng bước áp dụng hài hòa, phù hợp với các nguyên tắc và mô hình quản trị của công ty liên kết.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, hết sức tin tưởng vào năng lực quản lý và phẩm chất đạo đức của các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện định hướng chiến lược của công ty.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1. Triển vọng phát triển năm 2023

➤ Xu thế dịch chuyển việc sử dụng sản phẩm made in Việt Nam

Hoạt động sản xuất chỉ tập trung ở Trung Quốc không còn được xem là giải pháp an toàn nhất đối với các nhà sản xuất, bởi vị thế là công xưởng của thế giới của Trung Quốc không còn mạnh như trước đây. Việc dịch chuyển hoạt động ra ngoài Trung Quốc được xem là một giải pháp sống còn đối với công ty có nhà máy sản xuất tại Trung Quốc.

Quyết định của các doanh nghiệp này được đưa ra sau thời gian dài cân nhắc và nguyên nhân không phải là lo ngại về năng lực sản xuất. Việc dịch chuyển bắt nguồn từ nỗ lực mang tính chiến lược nhằm phòng ngừa rủi ro chính trị đang ngày càng gia tăng và mong muốn giữ chân các khách hàng phương Tây. Ngày càng có nhiều khách hàng nước ngoài tỏ ra lo lắng và thận trọng hơn về chuỗi cung ứng, họ muốn phòng ngừa rủi ro bằng cách tìm kiếm nguồn cung từ nhiều quốc gia khác bên ngoài Trung Quốc.

Sự thay đổi của chuỗi cung ứng toàn cầu ra cơ hội lớn cho doanh nghiệp sản xuất của Việt Nam khi đón đầu xu thế sử dụng sản phẩm Trung Quốc + 1

➤ Lĩnh vực Filler Masterbatch đang dần tiến tới điểm bão hòa

Số lượng các nhà xuất khẩu Filler nửa cuối năm 2022 giảm đáng kể so với hồi cuối năm 2021 và đầu năm 2022 do sự cạnh tranh khốc liệt về giá. Thị trường đã được đánh giá “sạch hơn” bởi một số nhà cung cấp bán giá rẻ và phá giá đã không thể “gồng gánh” và đi đường dài được nữa. Nếu như năm 2021 có khoảng 50 nhà xuất khẩu tham gia vào sân chơi thì hiện tại còn trung bình 38 - 45 nhà xuất khẩu. Trong đó, 80% thị phần thuộc top 10 nhà cung cấp lớn hàng đầu trong đó có Nhựa Pha Lê.

Thị trường 2022 vực dậy đáng kể so năm 2021 sau đại dịch và cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Trong đó, nhờ có lợi thế về vị trí gần nên Châu Á vẫn bền bỉ chiếm tỉ trọng nhập

010
NG T
PHAI
UAT
NGH
HALÉ
HAI P

khẩu lớn nhất từ Việt Nam phân theo năm châu lục.

Dự báo giai đoạn 2023-2025, tỉ trọng quốc gia nhập khẩu Filler chính từ Việt Nam vẫn tới từ 2 quốc gia đông dân nhất thế giới đó là Trung Quốc và Ấn Độ. Thị trường logistics dần đi vào ổn định, cước biển hàng xuất từ Việt Nam có lợi thế hơn giai đoạn trong đại dịch nên có sự chuyển dịch nhẹ thị trường sang khu vực Nam Mỹ và Châu Phi trong những năm tới.

Nhìn chung, vai trò của sản phẩm Filler Masterbatch vẫn đang là không thể thay thế trong lĩnh vực sản xuất bao bì, tuy nhiên sau khi trải qua quá trình tăng trưởng nóng từ 2017-2020, thị trường đang cho thấy dấu hiệu chậm lại. Bên cạnh việc gia tăng đối thủ cạnh tranh, nguyên nhân của tốc độ tăng trưởng ngành chậm lại một phần đến từ việc lượng tài nguyên đá CaCO₃ đảm bảo độ trắng sáng >98% đủ chất lượng để sản xuất Filler đang ngày một giảm. Ngoài ra, kinh tế thế giới suy thoái cũng làm cho chi tiêu trên toàn cầu giảm, làm chậm tốc độ phát triển của ngành bao bì.

➤ **Triển vọng của các dự án đầu tư**

Trong năm 2023, công ty định hướng tập trung nguồn lực phát triển những dự án đầu tư sẵn có, với tiềm năng lớn, tận dụng những ưu thế hiện hữu của Nhựa Pha Lê và đem lại nguồn thu tốt cho công ty ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, làm nền tảng để phát triển các dự án đầu tư trong giai đoạn kế tiếp. Cụ thể:

- Dự án sản xuất sản phẩm sàn đá công nghệ: vượt qua giai đoạn khó khăn nhất của thị trường ván sàn năm 2022, cơ hội đang mở ra cho những doanh nghiệp với chất lượng sản xuất, nền tảng quản trị tốt và tận dụng cơ hội thị trường khi làn sóng cung ứng dịch chuyển ra khỏi Trung Quốc, Hội đồng quản trị nhận định đây là giai đoạn vàng để tập trung đầu tư cho nhà máy sàn đá đạt hiệu quả hiện có của công ty và mở rộng sản xuất các sản phẩm ván sàn công nghệ tiềm năng khác trên thị trường.
- Dự án Khu nhà ở thương mại tại khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, phường Hồng Hà, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tại CTCP Thương mại và Du lịch Tân Việt An đang hoàn tất thủ tục xin cấp Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500 điều chỉnh nâng quy mô công trình. Dự án có quy mô tổng mức đầu tư gần 1.000 tỷ đồng trên khu đất rộng 3.500 m² với diện tích sàn xây dựng gần 50.000 m². Dự án có vị trí đắc địa tại khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, gần cầu Cửa Lục 2 chuẩn bị xây dựng nối 2 bên bờ vịnh Cửa Lục. Dự án dự kiến khởi công trong năm 2024 ngay sau khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý.

➤ **Các rủi ro hoạt động**

Hạt nhựa nguyên sinh chiếm tỷ trọng thấp trong trọng lượng sản phẩm, nhưng lại chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm. Giá nhựa nguyên sinh ảnh hưởng rất lớn đến giá thành

sản phẩm, xu hướng biến động của giá nhựa nguyên sinh trong năm 2022 là tăng. Xu hướng này chịu ảnh hưởng của giá dầu, giá dầu thế giới năm 2022 tăng mạnh do nhu cầu tăng cũng như những biến động về địa chính trị toàn cầu. Tuy nhiên dự báo cho năm 2023 xu hướng giá dầu sẽ đi vào ổn định.

Rủi ro về tỷ giá là một trong những ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. Do nguyên liệu chiếm khoảng 60 – 70% tổng chi phí tại Nhựa Pha Lê nên chỉ cần biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào.

Việc tiếp tục thực hiện việc đầu tư để mở rộng sản xuất, đầu tư cho các dự án BĐS, nên công ty tiếp tục duy trì và mở rộng nguồn vốn vay từ ngân hàng. Rủi ro về dòng tiền trả nợ và chi phí lãi vay của công ty là hiện hữu.

2. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị

➤ Mục tiêu chiến lược

Năm 2023, hoạt động của Công ty được tái cấu trúc theo định hướng: tập trung vào những mảng kinh doanh cốt lõi, hạn chế phân tán nguồn nhân tại nhiều lĩnh vực và khu vực địa lý khác nhau. Việc thoái vốn tại một số dự án đầu tư như dự án BĐS của CTCP Xây dựng Hạ Long và liên doanh CTCP Hoàng Gia Pha Lê giúp Nhựa Pha Lê có thêm nguồn lực để tập trung cho các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi. Với định hướng như vậy, Hội đồng quản trị Công ty đề ra các mục tiêu hoạt động cho năm 2023 như sau:

- Về lĩnh vực sản xuất: Hội đồng quản trị chủ trương duy trì thị phần trong lĩnh vực Filler Masterbatch, đảm bảo sản lượng tăng trưởng từ 5-10% so với năm 2022. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục tìm kiếm và phát triển các sản phẩm mới nhằm mang lại biên lợi nhuận cao hơn bù đắp cho quá trình bão hòa của sản phẩm Filler. Lĩnh vực trọng tâm đầu tư của Nhựa Pha Lê là các sản phẩm trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Thị trường tiêu thụ chính là thị trường xuất khẩu, trong đó chú trọng đến thị trường tại các nước đang phát triển, đặc biệt là Mỹ. Nếu cơ hội đến, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để điều chỉnh cơ cấu sản phẩm nhà máy Hải Phòng hoặc xây dựng nhà máy mới. Quá trình đầu tư sẽ được báo cáo tới ĐHĐCĐ tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
- Về quản trị: Tiếp tục xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển. Đồng thời, Hội đồng quản trị sẽ yêu cầu Ban điều hành thúc đẩy quá trình áp dụng các mô hình, công cụ quản trị tiên tiến như 5S kết hợp với việc đầu tư ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao mức độ tự động hóa trong sản xuất để hình thành chuỗi cung ứng toàn diện trong hoạt động quản trị công ty.

- Đối với hoạt động đầu tư: năm 2023 Công ty sẽ tập trung củng cố, quản trị hiệu quả tại các khoản đầu tư đang thực hiện, từ đó gia tăng lợi nhuận của công ty mẹ, đảm bảo lợi ích cổ đông. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị cũng không loại trừ khả năng sẽ thực hiện các dự án đầu tư mới nhằm tận dụng tối đa hiệu quả nguồn vốn khi có cơ hội.
- Về cơ cấu các nguồn lực: Tiếp tục hoàn thiện việc tăng vốn điều lệ lên 900 tỷ đồng với các điều kiện và mốc thời gian hợp lý để gia tăng lợi thế cạnh tranh của PLP trên thị trường; đồng thời để đáp ứng những yêu cầu mới về vốn kinh doanh cho các sản phẩm mới;

➤ **Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2023**

Sau khi cân nhắc những yếu tố thuận lợi – khó khăn, xu hướng biến động thị trường, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau:

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (*)	% tăng, giảm so với năm 2022
1	Doanh thu thuần	2.300.000.000.000	-19,5%
2	Lợi nhuận trước thuế	26.000.000.000	-42,8%

(*): Kế hoạch kinh doanh năm 2023 không bao gồm CTCP Hoàng Gia Pha Lê do không còn là công ty con của Nhựa Pha Lê từ quý 2/2023

Trên đây là báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Thanh Phương

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH
HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê và các quy định của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022 và định hướng năm 2023 với các nội dung sau:

1. Các hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

BKS đã tiến hành 04 buổi họp và thông qua nhiều nội dung quan trọng liên quan đến các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Nhìn chung, hoạt động chính của BKS trong năm 2022 bao gồm những nội dung chính sau:

- Xem xét Báo cáo tài chính năm 2022.
- Tham gia các buổi làm việc của Hội đồng quản trị về kế hoạch hoạt động của Công ty.
- Tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện.
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban điều hành và Phòng Tài chính kế toán chuẩn bị; Kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy kế toán.
- Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; Đánh giá sự phối hợp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc với hoạt động của BKS.
- Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát cùng các nội dung khác.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã có những đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

- Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển của Hội đồng quản trị, các quyết định điều hành của Ban điều hành.

- Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty

Đến hết năm 2022, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Hệ thống kiểm soát tài chính và chế độ giao ban vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp. Ban Kiểm soát đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của kiểm toán. Một số thông tin và chỉ tiêu tài chính:

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng giảm
Tổng tài sản	2.616.517.132.869	2.720.628.587.117	4%
Tài sản ngắn hạn	1.643.140.576.574	1.783.215.492.407	9%
Tài sản dài hạn	973.376.556.295	937.413.094.710	-4%
Tổng nợ phải trả	1.862.651.500.818	1.584.703.297.604	-15%
Vốn CSH	753.865.632.051	1.135.925.289.513	51%
Doanh thu thuần	2.412.715.129.034	2.857.491.331.728	18%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	125.981.711.338	37.823.453.035	-70%
Tổng lợi nhuận trước thuế	124.402.716.111	45.473.390.594	-63%
Lợi nhuận sau thuế	114.843.610.496	40.792.970.112	-64%
Giá trị sổ sách cổ phiếu	13,717	12,672	-8%

Năm 2022 là một năm nhiều thách thức đối với nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Tình hình xung đột địa chính trị đã đẩy giá nguyên vật liệu tăng cao, giá xăng dầu diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới việc xuất nhập khẩu nguyên liệu và sản phẩm, chính sách thắt chặt tiền tệ cùng tình hình lạm phát cũng như lãi suất tăng vọt trong các tháng cuối năm đã tạo ra một môi trường kinh doanh đầy biến động. Đứng trước những khó khăn từ thị trường, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV luôn đồng lòng, nỗ lực duy trì ổn định hoạt động kinh doanh: doanh thu thuần năm 2022 đạt 2.857 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 40,8 tỷ đồng, giảm 67% so với năm 2021, nguyên nhân do năm 2021 công ty có khoản lợi nhuận đột biến từ hợp nhất công ty con là CTCP Hoàng Gia Pha Lê.

Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022
Phải thu ngắn hạn	839.605.909.442	1.100.577.556.630
Phải thu khách hàng	764.549.041.528	845.075.043.996
Trả trước cho người bán	28.450.091.572	9.089.518.182
Phải thu về cho vay		
Phải thu khác	48.337.776.082	248.912.589.110
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.730.999.740)	(2.499.594.658)
Phải thu dài hạn	2.528.780.532	4.413.618.641
Phải thu khác	2.528.780.532	4.413.618.641
Tổng cộng	842.134.689.974	1.104.991.175.271

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022)

Với đặc thù chu kỳ vòng tiền mất từ 6-8 tháng, khi doanh thu tăng trưởng, vốn lưu động đặc biệt là khoản phải thu và tồn kho cũng tăng. Do thực hiện chính sách tài trợ thương mại cho khách hàng, công ty phải tự bỏ tiền ra để mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất đảm bảo giao hàng đúng hạn giúp tăng cường uy tín, khả năng cạnh tranh. Ngoài ra, khoản phải thu khác tăng do trong năm công ty thực hiện đầu tư mua mỏ nước khoáng tại Quang Hanh, Quảng Ninh. Do vậy, giá trị các khoản phải thu của Nhựa Pha Lê năm 2022 tăng 131% so với năm 2021.



Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022
Tổng nợ ngắn hạn	1.723.180.932.288	1.509.822.828.580
Phải trả người bán	387.071.398.554	340.275.591.630
Người mua trả tiền trước	15.147.417.175	10.752.565.229
Thuế và các khoản phải nộp NN	4.890.112.839	6.872.206.791
Phải trả người lao động	5.774.691.095	5.895.776.560
Chi phí phải trả	22.624.612.996	4.969.166.473
Phải trả phải nộp khác	55.945.072.570	11.669.941.279
Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.222.794.371.789	1.122.444.466.431

Dự phòng phải trả		
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.933.255.270	6.943.114.188
Tổng nợ dài hạn	139.470.568.530	74.880.469.024
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	139.289.699.779	74.296.350.858
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	180.868.751	584.118.166
Tổng cộng	1.862.651.500.818	1.584.730.605.504

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022)

Nợ phải trả giảm 15% so với cùng kỳ năm 2021. Năm 2022 được dự báo với tình hình kinh tế, tài chính nhiều biến động, do vậy công ty nhận định chính sách giảm nợ vay là cần thiết trong giai đoạn này.

Với chức năng và nhiệm vụ của mình, năm 2022 Ban Kiểm soát đã luôn theo sát tình hình vay và sử dụng vốn vay của Công ty, từ đó đảm bảo quá trình sử dụng nguồn vốn vay hiệu quả, đảm bảo tính an toàn, đồng thời vẫn duy trì khả năng sinh lời, mang lại lợi ích tối đa cho cổ đông.

3. Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2022

Trong năm 2022, đồng hành cùng những khó khăn của công ty nên BKS không nhận thù lao từ công ty.

4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban điều hành

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban điều hành.

Ban Kiểm soát cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty đã thể hiện trách nhiệm trong việc điều hành.

5. Đánh giá sự phối hợp giữa hoạt động Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với các bộ phận để triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên. Qua các cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát thông báo kết quả công tác kiểm tra, giám sát với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Hội đồng Quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu. Hội đồng Quản trị Tổng công ty, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động

sản xuất kinh doanh.

6. Báo cáo kiểm soát giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan

Căn cứ Điều 290 khoản 4 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về việc giám sát các báo cáo giao dịch giữa công ty và các bên liên quan, trong năm 2022 chưa nhận thấy có phát sinh các giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc sai quy định.

BKS cũng chưa nhận thấy có phát sinh các giao dịch khác của công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất với thành viên HĐQT, thành viên BKS, tổng giám đốc trong năm 2022.

7. Định hướng hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát

Năm 2023, với mục tiêu phát huy vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, tập trung hơn nữa vào các vấn đề sau:

- ✓ Giám sát việc chấp hành theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mới sửa đổi
- ✓ Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Điều hành.
- ✓ Thẩm tra tính trung thực, minh bạch của hệ thống kế toán tài chính và các Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- ✓ Tư vấn cho HĐQT, BTGD ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản.

Trân trọng báo cáo.



ĐINH ĐỨC TUẤN

Số: 02/2023/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

V/v: Thông qua thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông mức trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) trong năm 2022 và kế hoạch chi trả trong năm 2023 như sau:

1. Thù lao đã chi trả trong năm 2022:

Số lượng thành viên của HĐQT, BKS trong năm 2022 là: 03 thành viên HĐQT, 03 thành viên BKS.

- Thù lao cho HĐQT: năm 2022 không chi trả thù lao cho HĐQT.
- Thù lao cho BKS: năm 2022 không chi trả thù lao cho BKS.

2. Mức thù lao dự kiến chi trả trong năm 2023:

Căn cứ kế hoạch kinh doanh dự kiến của năm 2023, đề nghị ĐHĐCĐ thông qua mức thù lao cho HĐQT và BKS như sau:

- Thù lao cho HĐQT tối đa bằng 5 % lợi nhuận sau thuế năm 2023;
- Thù lao cho BKS tối đa bằng 1 % lợi nhuận sau thuế năm 2023.

HĐQT và BKS đề nghị giao cho Chủ tịch HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể cho các thành viên HĐQT và giao Trưởng BKS quyết định mức thù lao cụ thể cho các thành viên BKS nằm trong mức thù lao nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Mai Thanh Phương

Số: 03/2023/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê,

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2023 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

- Là công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy Ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và có nhiều kinh nghiệm kiểm toán báo cáo tài chính trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng và chứng khoán theo các quy định của các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty; và
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do công ty yêu cầu.

2. Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2023 theo Phụ lục đính kèm.

Kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán phù hợp với các tiêu chí đã đề ra và giao cho Người đại diện theo pháp luật ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS
- Lưu VT.



ĐINH ĐỨC TUẤN

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN THỰC HIỆN VIỆC
KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT BCTC TRONG NĂM 2023**

1. Công Ty TNHH KPMG (KPMG)
2. Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
3. Công Ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
4. Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn A&C (A&C)
5. Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC (AASC)
6. Công Ty TNHH PWC (Việt Nam) (PWC)
7. Công Ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) (GT)
8. Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Kế Toán AAC (AAC)
9. Công Ty TNHH Kiểm Toán Afc Việt Nam (AFC)
10. Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC (AISC)
11. Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY (UHY)
12. Công Ty TNHH Pkf Việt Nam (PKF)
13. Công Ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt (SVC)
14. Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn RSM Việt Nam (RSM)
15. Công Ty TNHH Kiểm Toán VACO (VACO)
16. Công Ty TNHH Kiểm Toán An Việt (An Việt)
17. Công Ty TNHH Kiểm Toán BDO (BDO)
18. Công Ty TNHH Kiểm Toán FAC (FAC)
19. Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Định Giá Việt Nam (VAE)
20. Công Ty TNHH Kiểm Toán - Thẩm Định Giá Và Tư Vấn Ecovis AFA Việt Nam (Ecovis AFA Việt Nam)
21. Công Ty TNHH Kiểm Toán Quốc Tế (ICPA)
22. Công Ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam (DFK)
23. Công Ty TNHH Kiểm Toán CPA Vietnam (CPA Vietnam)
24. Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn Chuẩn Việt (Chuẩn Việt)
25. Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán Và Định Giá ASCO (ASCO)
26. Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
27. Công Ty TNHH Kiểm Toán TTP (TTP)
28. Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Nam Việt (AASCN)
29. Công Ty TNHH Kiểm Toán Nhân Tâm Việt (NVT)
30. Công Ty TNHH Tư Vấn – Kiểm Toán S&S (S&S)

Số: 04/2023/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua giao dịch với người nội bộ, người liên quan với người nội bộ và người liên quan của công ty năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung như sau:

1. Thông qua các hợp đồng, giao dịch trong năm 2023 giữa Công ty với các đối tượng sau:
 - Cá nhân, tổ chức không có liên quan với Công ty
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
 - Người có liên quan với Công ty, người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và Người có liên quan của họ;
2. Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt các hợp đồng, giao dịch giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023, 2024 như sau:
 - Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với các đối tượng nêu tại Mục 1;
 - Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của cổ đông đó.

3. Giao Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch trong năm 2023 giữa Công ty và các đối tượng trên và báo cáo việc thực hiện với Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Mai Thanh Phương

Số: 05/2023/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (Riêng và Hợp nhất) với một số nội dung chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng) tại BCTC riêng	Giá trị (đồng) tại BCTC hợp nhất
1.	Tổng tài sản tại ngày 31/12/2022	1.806.942.842.700	2.720.628.587.117
2.	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022	780.407.717.829	1.135.925.289.513
3.	Doanh thu thuần	2.000.631.751.726	2.857.491.331.728
4.	Lợi nhuận trước thuế	12.597.442.275	45.473.390.594
5.	Lợi nhuận sau thuế	10.280.076.841	40.792.970.112
6.	Lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022	74.723.420.860	215.215.882.941

(Bản dữ liệu điện tử Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (Riêng và Hợp nhất) đã được công bố thông tin tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và đã được đăng trên website của công ty)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.



Mai Thanh Phương

Số: 06/2023/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê;

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2022 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN (số liệu trên BCTC kiểm toán riêng năm 2022)	12.597.442.275
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.317.365.434
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.280.076.841
4	Kế hoạch trích lập các quỹ	0
	- Quỹ đầu tư phát triển (0% LNST)	0
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (0% LNST)	0
6	Lợi nhuận để lại năm trước	64.443.344.019
7	Lợi nhuận còn lại (3-4-5+6)	74.723.420.860

Hội đồng quản trị đề xuất không thực hiện chia cổ tức năm 2021 và năm 2022 để tập trung nguồn lực cho hoạt động của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.



Mai Thanh Phương

Số: 09/2023/TTr- HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

- Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán hiện hành và các văn bản hướng dẫn Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê;
- Căn cứ Văn bản kiến nghị về việc bổ sung nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 do nhóm cổ đông của Công ty gửi tới.

Ngày 22/6/2023, Công ty nhận được Văn bản kiến nghị về việc bổ sung nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 do nhóm cổ đông sở hữu 12,76% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty gửi tới.

Theo đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị và số lượng thành viên HĐQT là 04 người.
- Danh sách ứng viên HĐQT được đề cử:

TT	Họ tên	CCCD/CMND	Địa chỉ
1.	Cao Văn Thọ		714 CT6 ĐN2 Khu Đô Thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Chi tiết thông tin ứng viên được thể hiện trong Sơ yếu lý lịch ứng viên và các tài liệu của ứng viên đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Mai Thanh Phương

Số: 07/2023/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị
và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

- Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán hiện hành và các văn bản hướng dẫn Luật chứng khoán,

Căn cứ thực tế hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.

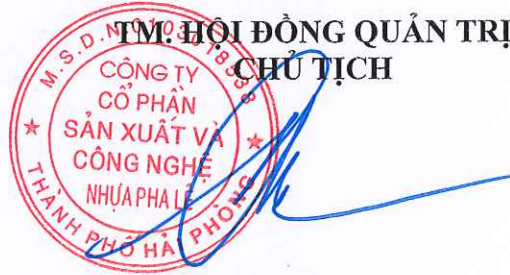
Chi tiết nội dung thay đổi được nêu tại phụ lục kèm với tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sửa đổi và toàn văn Điều lệ, Quy chế sau khi sửa đổi.

Điều lệ và các quy chế mới sẽ có hiệu lực thi hành ngay sau Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.



Mai Thanh Phương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ

CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Hà Nội, Ngày 26 tháng 06 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	9
Điều 7. Cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 25. Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	28
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	33

Điều 30.	Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 31.	Người quản lý	33
Điều 32.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	34
Điều 33.	Thư ký công ty.....	35
IX.	BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 34.	Thành viên Ban kiểm soát	36
Điều 35.	Ban kiểm soát	37
X.	NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.....	39
Điều 36.	Trách nhiệm căn trọng.....	39
Điều 37.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 38.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	40
XI.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	40
Điều 39.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	40
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
Điều 40.	Công nhân viên và công đoàn.....	41
XIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	41
Điều 41.	Phân phối lợi nhuận.....	41
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	42
Điều 42.	Tài khoản ngân hàng	42
Điều 43.	Năm tài chính	42
Điều 44.	Chế độ kế toán	42
Điều 45.	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	43
Điều 46.	Báo cáo thường niên.....	43
XV.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
Điều 47.	Kiểm toán	43
XVI.	CON DẤU	44
Điều 48.	Con dấu	44
XVII.	GIẢI THỂ CÔNG TY	44
Điều 49.	Giải thể doanh nghiệp.....	44
Điều 50.	Gia hạn hoạt động.....	45
Điều 51.	Thanh lý.....	45
XVIII.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
Điều 52.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
XIX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 53.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	46
XX.	NGÀY HIỆU LỰC.....	46
Điều 54.	Ngày hiệu lực	46

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCNVN ban hành ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
 - c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCNVN ban hành ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - e. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - j. "Tham dự ĐHĐCĐ" là việc cổ đông tham dự trực tiếp tại đại hội hoặc tham dự trực tuyến thông qua Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến do Công ty thông báo.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên công ty
 - a. Tên công ty viết bằng tiếng việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

b. Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **PHA LE PLASTICS MANUFACTURING AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY**

c. Tên công ty viết tắt: **PHA LE PLASTICS MANUFACTURING AND TECHNOLOGY., JSC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Lô đất CN 4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 883 0102

Email: info@phaleminerals.com.vn Website : phaleplastics.com.vn

4. Chi nhánh công ty:

a. Tên Chi nhánh: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ - CHI NHÁNH NGHỆ AN**

b. Mã số DN: 0103018538-001

c. Địa chỉ: Xóm Bản Hạng, Xã Châu Tiến, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An

5. Văn phòng đại diện công ty:

a. Tên văn phòng đại diện: **VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Mã số DN: 0103018538-003

Địa chỉ: Nhà 4 Dãy NO9, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Khu đô thị mới Sài Đồng, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

b. Tên văn phòng đại diện: **VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ TẠI NGHỆ AN**

Mã số DN: 0103018538-004

Địa chỉ: Xóm Bản Hạng, Xã Châu Tiến, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này, Quy chế Quản trị Công ty và các văn bản pháp luật khác.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị.
2	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: – Xây dựng các công trình thể thao, vui chơi giải trí, sân tennis, sân golf; – Thi công xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ.
3	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán ô tô.
4	Bán mô tô , xe máy Chi tiết: Mua bán xe máy.
5	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán trang thiết bị, phụ tùng ô tô.
6	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán trang thiết bị, phụ tùng xe máy.
7	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị ngành khai khoáng, xây dựng, giao thông.
8	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp, dọn dẹp tạo mặt bằng xây dựng.
9 (Chính)	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm).
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: – Mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); – Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; – Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; – Bán buôn hóa chất khác: nhựa tổng hợp.;

	<ul style="list-style-type: none"> – Bán buôn phân bón; – Bán buôn cao su; phụ liệu may mặc và giày dép. – Bán buôn các chất phục vụ cho sản xuất phụ gia ngành nhựa (Không bao gồm hóa chất bị cấm theo quy định của Luật Dầu tư); – Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không bao gồm bán buôn các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường).
11	Sản xuất sợi
12	Sản xuất vải dệt thoi
13	Hoàn thiện sản phẩm dệt
14	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
15	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)
16	Sản xuất sợi nhân tạo
17	Sản xuất linh kiện điện tử
18	Sản xuất thiết bị truyền thông
19	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện và thiết bị phân phối và điều khiển điện
20	Sửa chữa máy móc thiết bị
21	Sửa chữa thiết bị điện
22	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
23	Lắp đặt hệ thống điện (Không bao gồm thiết kế điện, cơ điện công trình)
24	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí
25	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá
26	Sản xuất các cấu kiện kim loại
27	Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
28	Sản xuất sản phẩm từ plastic
29	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
30	Sản xuất đồ điện dân dụng
31	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá
32	<p>Sản xuất máy thông dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; – Sản xuất máy điều hòa nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; – Sản xuất quạt không dùng cho gia đình;

	– Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột như: Súng phun, bình cứu hỏa, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
33	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
34	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
35	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
36	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
37	Tái chế phế liệu
38	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Xây dựng công trình đường thủy.
39	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.
40	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không bao gồm hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép phân phối)
41	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
42	Hoàn thiện công trình xây dựng
43	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
44	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hàng hóa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép phân phối)

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất và thương mại trong các lĩnh vực kinh doanh của công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông. Nâng cao uy tín và hình ảnh của công ty trên thị trường. Không ngừng cải thiện điều kiện, môi trường làm việc, thu nhập cho người lao động. Hoàn thành các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trên Cổng thông tin điện tử quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ
 - a. Vốn điều lệ : 700.000.000.000 VNĐ (Bảy trăm tỷ đồng chẵn)
 - Tổng số cổ phần : 70.000.000 cổ phần
 - Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng
 - Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
 - b. Vốn điều lệ của công ty có thể góp bằng tiền Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.

2. Cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát
4. Ban Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu trên Hệ thống ĐHCĐ trực tuyến hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, Hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và phải bao gồm các nội dung: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính

đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra và mục đích kiểm tra;

d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ này có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử;

c. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật, chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật.

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ này và Quy định pháp luật.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Trong các trường hợp khác, các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để trả lời các nội dung liên quan đến báo cáo tài chính của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.

- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3).
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn mười lăm (15) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.
 - d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
5. Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp đồng thời các hình thức tổ chức với nhau.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - e. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty.
 - k. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
 - l. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - m. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
 - n. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
 - o. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập, quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi nhiệm kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.
 - p. Các vấn đề khác theo quy định tại pháp luật và Điều lệ này.
 - q. Đại hội đồng cổ đông có quyền chấp thuận Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, pháp nhân đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp hoặc đăng tải bản scan/bản chụp trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến theo Trang Thông tin điện tử do Công ty thông báo.
4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình hoặc đăng tải cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) tham dự họp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó tham dự họp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- h. Các công việc khác phục vụ đại hội và theo quy định pháp luật.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này trong vòng chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;

- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 điều 12 Điều lệ này.
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp tham dự đăng ký hết. Trường hợp áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Người triệu tập họp có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông đăng ký tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
2. Đăng ký cổ đông tham dự họp được thực hiện như sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông tham dự trực tiếp, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên

của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông tham dự họp trực tuyến đăng ký trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến bằng cách truy cập Trang Thông tin điện tử tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến của Công ty theo đường dẫn do Công ty thông báo, tại Mục Đăng ký kể từ thời điểm Hệ thống cho phép truy cập để đăng ký đến trước thời gian kết thúc biểu quyết. Khi thực hiện đăng ký trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, Cổ đông phải kê khai đầy đủ các thông tin cá nhân, giấy tờ tùy thân phù hợp với thông tin đã được đăng ký/Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và kê khai các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu nhằm đảm bảo cho Công ty nhận diện đúng Cổ đông/Người được ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến. Cổ đông/Người được ủy quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến tại Trang Thông tin điện tử do Công ty thông báo, chọn Mục Bỏ Phiếu và thực hiện biểu quyết các nội dung. Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện ngay sau khi Cổ đông/Người được ủy quyền đã đăng ký dự họp trực tuyến và đăng nhập thành công hoặc có thể thực hiện tại mỗi thời điểm phát sinh nội dung biểu quyết khi theo dõi cuộc họp trực tuyến.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

5. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông tham gia trực tiếp;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Bảo đảm đường truyền của hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự trực tuyến của các cổ đông không bị ảnh hưởng gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức Đại hội tại địa điểm chính bị gián đoạn thì Ban tổ chức Đại hội phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó;
 - d. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
 - e. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn duy trì hình thức họp trực tuyến khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

d. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp tại khoản 3, 5 Điều này:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc chi nhánh

e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 5 Điều này.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ

đồng theo quy định của pháp luật và vào bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến có thể gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử và phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu đều không hợp lệ.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện, chi nhánh của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký hoặc đồng ý trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng

ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp, các dữ liệu điện tử của ĐHĐCĐ trực tuyến và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện, chi nhánh của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp khoản 4 Điều 21 Điều lệ này:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định hủy bỏ của Tòa án, trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là [ba (3)] người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị đáp ứng theo quy định của pháp luật.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và từ 65% được đề cử tối đa số ứng viên bầu.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

- k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản công ty.
- m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và quy định Điều lệ này.
- 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 và Khoản 2 Điều 167 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua các hợp đồng, giao dịch của Công ty
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty trong trường hợp điểm h khoản này;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
 - k. Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
- 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính;... theo quy định pháp luật.
- 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
- 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao

cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi Quý một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát;
 - d. Một (01) thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 29 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam, hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị họp trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản/email hoặc các hình thức khác. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được 100% thành viên Hội đồng quản trị thông qua là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất [năm (05)] ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.
7. Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

9. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các vấn đề, hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định

13. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 31. Người quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá 5 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- a. Không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
- d. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành.

3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- b. Quyết định tất cả các vấn đề thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- e. Hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 33. Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký công ty tùy từng thời điểm. Thư ký công ty có trách nhiệm:

- a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. -
- b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp
- c. Tham dự các cuộc họp.
- d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên
- f. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là [ba (03)] thành viên. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - c. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc 1 trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị

kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát.
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định pháp luật và quy định Điều lệ này.
3. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 65% được đề cử tối đa số ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
6. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:
- a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.
 - b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty.
 - c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành vi dân sự.
 - d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - e. Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

Điều 35. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ này, trong đó có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan.
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết.
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.
 - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
2. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
3. Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người quản lý đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công

bỏ cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và

hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 40. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty

2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV.KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị. Báo cáo kiểm toán phải được hoàn thành đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVI. CON DẤU

Điều 48. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 49. Giải thể doanh nghiệp

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.
4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp và thủ tục thanh lý tài sản tuân theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 50. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 51. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết ;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật doanh

nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa Cổ đông với Công ty; Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý;

2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu ... chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

4. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 20 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê nhất trí thông qua ngày 26 tháng 06 năm 2023, và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố (nếu có);

b. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện, chi nhánh của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của người Đại diện theo pháp luật hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Mai Thanh Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hà Nội – Tháng 06 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	3
CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	4
Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn.....	5
Điều 5. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.....	6
Điều 6. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên..	8
Điều 7. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	9
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
Điều 8. Ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 9. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 10. Thành phần Hội đồng quản trị	10
Điều 11. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 14. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	13
Điều 15. Thù lao của Hội đồng quản trị	14
Điều 16. Người phụ trách quản trị Công ty	14
CHƯƠNG IV: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT	15
Điều 17. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	15
Điều 18. Tư cách thành viên Ban kiểm soát	15
Điều 19. Thành phần Ban kiểm soát.....	15
Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên	16
Điều 21. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	16
Điều 22. Thù lao của Ban kiểm soát.....	17
CHƯƠNG V: TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	17
Điều 23. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý	17
Điều 24. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành.....	17
Điều 25. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của BKS.....	17
Điều 26. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của HĐQT	19
Điều 27. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Bộ máy quản lý	20

Điều 28. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	20
CHƯƠNG VI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	21
Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, người quản lý khác	21
Điều 30. Giao dịch với người có liên quan	21
Điều 31. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này.....	21
Điều 32. Đào tạo về quản trị công ty.....	23
CHƯƠNG VII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	23
Điều 33. Nghĩa vụ công bố thông tin	23
Điều 34. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty.....	23
Điều 35. Công bố thông tin về quản trị công ty	23
Điều 36. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành	24
CHƯƠNG VIII: CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	24
Điều 37. Giám sát.....	24
Điều 38. Xử lý vi phạm	24
Điều 39. Đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật người quản lý	24
CHƯƠNG IX: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	24
Điều 40. Tổ chức thực hiện	24

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

PHẦN MỞ ĐẦU

Quy chế nội bộ về quản trị này của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các quy định của Công ty được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan là những quy tắc và quy định để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quy chế này được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tổ chức vào ngày 26 tháng 06 năm 2023.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (“Quy chế”) này được xây dựng và ban hành theo yêu cầu về quản trị công ty niêm yết theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

Để thực thi một số chính sách rõ ràng về Quản trị công ty và đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của Công ty, Quy chế này quy định (i) những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; (ii) thẩm quyền, nghĩa vụ và quy trình, phương thức hoạt động của những người quản lý, điều hành trong Công ty; (iii) thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của Người quản lý, Ban kiểm soát và (iv) quy định các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Người quản lý, Ban kiểm soát khi tham gia vào quá trình quản trị Công ty. Đồng thời, Quy chế là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Công ty.

Quy chế được áp dụng đối với phạm vi các đối tượng là cổ đông, Người quản lý, Ban kiểm soát.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- “*Quản trị Công ty*”: là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
- “*DHĐCD*”: Là Đại hội đồng cổ đông, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

3. “*Điều lệ Công ty*”: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi bổ sung tại thời điểm sau khi được thông qua hợp lệ.
4. “*HĐQT*”: Hội đồng quản trị, là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi hợp pháp của cổ đông.
5. “*BKS*”: Ban kiểm soát, là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
6. “*Người quản lý*”: Là “*người quản lý doanh nghiệp*” được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật doanh nghiệp.
7. “*Công ty*”: Là Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.
8. “*Cổ đông lớn*”: Là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
9. “*Luật Doanh nghiệp*”: Là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCNVN ban hành ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
10. “*Người có liên quan*”: Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác được quy định tại các Quy chế có liên quan của Công ty.
11. “*Thành viên HĐQT không điều hành*”: Là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm.
12. “*Thành viên HĐQT độc lập*”: Là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau:
 - Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ

Trong Quy chế này, có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản pháp luật khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông:
 - a) Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên, các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
 - b) Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và/hoặc danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
2. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:
 - a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;
 - d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu theo các hình thức khác được Công ty áp dụng theo quy định của Pháp luật.
 - đ) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.
 - e) Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.
3. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông qua các kênh sau:
 - Website chính thức của Công ty: <http://phaleminerals.com.vn/>
 - Thông tin được báo cáo, công bố chính thức trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với tổ chức niêm yết;
 - Các văn bản, báo cáo khác chính thức phát hành cho cổ đông.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

Ngoài các quyền của cơ bản của cổ đông, Cổ đông lớn còn có quyền:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích

của Công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Công ty xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty, trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:

a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- Hội đồng quản trị Công ty hoặc Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ, trong đó Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

c) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có trách nhiệm đăng ký trước khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn của Ban tổ chức tại từng cuộc họp.

d) Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại phiên họp:

- Tất cả các nội dung trong chương trình của phiên họp đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp bằng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết hoặc biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác quy định tại Điều lệ công ty và quy định pháp luật theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

- Cách thức biểu quyết:

+ Biểu quyết bằng cách ghi trên Phiếu biểu quyết: Các nội dung chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết, các cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng (Tán thành; Không tán thành, không có ý kiến).

+ Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết: Cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội theo điều hành của Đoàn chủ tịch theo nội dung: Tán thành; Không tán thành; hoặc không có ý kiến để biểu quyết các vấn đề sau:

. Thông qua Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội.

. Thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được bầu tại Đại hội.

. Thông qua Biên bản Đại hội;

. Và các nội dung khác theo Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử được đại hội cổ đông

thông qua.

Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung chính: Tên Công ty, ngày tháng năm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, các vấn đề cần biểu quyết và phương án biểu quyết, phần dành cho cổ đông ký tên và dấu treo của Công ty.

+ Biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: Cổ đông tham dự họp trực tuyến đăng ký trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến bằng cách truy cập Trang Thông tin điện tử theo đường dẫn do Công ty cung cấp. Khi thực hiện đăng ký trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, Cổ đông phải kê khai đầy đủ các thông tin cá nhân, giấy tờ tùy thân phù hợp với thông tin đã được đăng ký/Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu nhằm đảm bảo cho Công ty nhận diện đúng Cổ đông/Người được ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến. Cổ đông/Người được ủy quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến tại Trang Thông tin điện tử do Công ty thông báo, chọn Mục Bỏ Phiếu và thực hiện biểu quyết các nội dung. Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện ngay sau khi Cổ đông/Người được ủy quyền đã đăng ký dự họp trực tuyến và đăng nhập thành công hoặc có thể thực hiện tại mỗi thời điểm phát sinh nội dung biểu quyết khi theo dõi cuộc họp trực tuyến.

đ) Cách thức kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban kiểm phiếu tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết;
- Trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS thì thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

e) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung sẽ được Trưởng Ban Kiểm phiếu thông báo kết quả tại Đại hội ngay sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

g) Tỷ lệ thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông:

Việc thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 148 Luật doanh nghiệp

h) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông do Thư ký Đại hội lập phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp, phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

i) Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng:

Nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

k) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông,

nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

+ Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;

+ Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

1) Các vấn đề khác.

2. Chương trình nghị sự của Đại hội:

a) Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu bổ sung chương trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp, tham dự trực tuyến thông qua Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến do Công ty thông báo hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (nếu có).

6. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

7. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu

phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành;
- Kết quả giám sát đối với các người quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT được quy định tại **Điều 26** của Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan

đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố trước ít nhất **10 ngày** trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

3. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ công ty.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố trong Quy chế bầu cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu.

Điều 9. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải là những người hội đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác.

Điều 10. Thành phần Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là **ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người**. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và xét yếu tố về giới.

2. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của công ty phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 11. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;
 - d) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;

- Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác.
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại **Điều 27 Điều lệ Công ty**.
7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và quyết định các vấn đề sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm những người quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giải quyết các khiếu nại của công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó;
 - e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước
 - h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, những người quản lý khác, người đại diện của công ty. Việc bãi nhiệm không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm.
 - i. Kiến nghị các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại.
 - k. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu và chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; xử lý lỗ trong quá trình kinh doanh; Trình phương án phân phối lợi nhuận; Thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - m. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
 - n. Quyết định giải pháp phát triển thị trường;
 - o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
9. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Kiến nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty;
- d. Quyết định các qui chế quản lý nội bộ Công ty. Quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
- e. Thông qua quyết định đầu tư trong các trường hợp sau:
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- g. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- h. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- i. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- k. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- l. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
- m. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- n. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

Điều 14. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể diễn ra dưới hình thức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc xin ý kiến bằng văn bản, thư điện tử, email và các hình thức khác được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất.
3. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Trường hợp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập HĐQT theo nguyên tắc đa số.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có yêu cầu họp.

5. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết.
6. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT hoặc người đại diện thay thế dự họp (người được ủy quyền). Trường hợp triệu tập họp HĐQT lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định trên thì sẽ triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày tiếp theo kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và cuộc lần hai sẽ được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp. Sau hai lần triệu tập họp HĐQT mà không đủ số thành viên tham dự thì cuộc họp sẽ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng thành viên HĐQT tham dự.
8. Cách thức biểu quyết của HĐQT theo quy định tại **Điều 29 của Điều Lệ Công ty**.
9. Cách thức thông qua Nghị quyết HĐQT: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra các quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) thành viên HĐQT có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì lá phiếu của Chủ tịch HĐQT sẽ là lá phiếu quyết định.
10. Biên bản họp HĐQT ghi đầy đủ nội dung và kết luận của cuộc họp và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Sau mỗi kỳ họp, các quyết định của HĐQT được gửi cho tất cả các thành viên HĐQT và Trưởng ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

Điều 15. Thù lao của Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao và thanh toán các khoản chi phí khi thực hiện nghĩa vụ của HĐQT. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên và được công bố theo quy định.
2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 16. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
 - g. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - h. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty.
 - i. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
 - j. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
2. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 18. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện tại Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty, trong 03 năm liền trước đó.

Điều 19. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) người.
2. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc 1 trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động

kinh doanh của doanh nghiệp

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.
2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.
2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, thành viên kiểm soát nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.
4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
6. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
7. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.
8. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu báo cáo của mình và đảm bảo tính nguyên vẹn, chính xác của tất cả các hồ sơ, sổ sách, chứng từ, báo cáo mà

Công ty gửi cho Ban kiểm soát.

Điều 22. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm cho Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông.

CHƯƠNG V: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 23. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý

Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý, gồm các nội dung chính sau đây:

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn người quản lý;
- Việc bổ nhiệm người quản lý;
- Ký hợp đồng lao động với người quản lý;
- Các trường hợp miễn nhiệm người quản lý;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý.

Điều 24. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành

Hội đồng quản trị quy định quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành, bao gồm:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
- Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
- Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành;
- Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Điều 25. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của BKS

- Đối với việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHĐCĐ.

- Các thông tin và tài liệu này bao gồm nhưng không giới hạn ở:
- + Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- + Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- + Báo cáo của Tổng Giám đốc;
- + Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- + Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;
- + Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

Và được cung cấp theo nguyên tắc sau: Tài liệu của HĐQT, Tổng giám đốc được gửi đến BKS vào cùng thời điểm gửi đến các thành viên HĐQT.

Đối với Bộ máy quản lý Công ty: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát. Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:

+ Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và Người quản lý khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

+ Đối với hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc điều hành, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của BKS, BKS có quyền đề nghị HĐQT xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, BKS có quyền gửi thông báo đến Tổng giám đốc nhằm mục đích yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng một (01) giờ kể từ khi gửi yêu cầu, BKS phải thông báo ý kiến của BKS với các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện các quyết định của Tổng Giám đốc.

+ Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất [48] giờ.

+ Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, BKS phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

Đối với HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:

+ Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động (không dài hơn 1 quý), tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

+ Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện thấy vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản của Công ty, thì thành viên BKS kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trưởng BKS. Trường hợp không có biện pháp điều chỉnh nào tốt hơn, thì Trưởng BKS bàn bạc với HĐQT giải quyết sau đó có trách nhiệm báo cáo trước

ĐHĐCĐ.

- + Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất.
- + Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- + Đối với việc thẩm tra báo cáo tài chính được kiểm toán, BKS phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 7 ngày.
- + Đối với các hồ sơ, tài liệu khác, ... mà HĐQT gửi đến BKS để có ý kiến thì BKS sẽ phản hồi trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc.

Điều 26. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của HĐQT

Đối với BKS:

- Chương trình, nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được gửi đến thành viên BKS (nếu được mời họp) cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT;
- Các Nghị Quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng Giám đốc) trong vòng 7 ngày kể từ ngày xác lập.
- Đối với đề xuất của BKS về số lượng thành viên BKS, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày.
- Đối với đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 7 ngày.
- Đối với Bộ máy quản lý Công ty:
- Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho TGD về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là 45 ngày.
- Các vấn đề mà HĐQT phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám Đốc, HĐQT phải phản hồi trong vòng 7 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.
- HĐQT không được thành lập bộ máy riêng, khi cần thiết HĐQT sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị của Công ty để phục vụ công việc của HĐQT, sau khi thông báo cho Tổng Giám đốc Công ty. Thông báo phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 48 giờ.
- Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người Quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 giờ.
- HĐQT có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về Điều lệ; Quy chế quản trị

công ty; cơ cấu tổ chức và số lượng Người quản lý trong thời hạn 15 ngày.

- Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày.
- Đối với các báo cáo đánh giá Tổng Giám đốc và thành viên Bộ máy quản lý, HĐQT phải gửi bản dự thảo đến các đối tượng trước một thời gian hợp lý.
- Trong trường hợp cuộc họp của HĐQT có mời thành viên BKS, thành viên Bộ máy quản lý hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì HĐQT có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 7 ngày (thông qua Thư ký HĐQT).
- Các nội dung được gửi nhằm để lấy ý kiến của Tổng Giám đốc: mức lương và lợi ích khác của Người quản lý, các nội dung nhân sự... phải được gửi trước ít nhất là 48 giờ.
- Đối với các chi tiêu, sử dụng chi phí của HĐQT, HĐQT phải có văn bản thuyết minh tính hợp lý khi gửi hồ sơ, chứng từ về Công ty.

Điều 27. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Bộ máy quản lý

Đối với HĐQT:

- Tổng Giám đốc và các thành viên Bộ máy quản lý khác là cơ quan chấp hành, điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động diễn ra bình thường và có hiệu quả.
- Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Chính sách quản lý khủng hoảng ... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ gần nhất về các quyết định đó.
- Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và BKS bằng văn bản.
- Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của HĐQT, Tổng Giám đốc gửi tờ trình đến HĐQT trước 7 ngày.
- Đối với việc cho ý kiến về mức lương, lợi ích khác của Người quản lý, Tổng Giám đốc sẽ gửi trước ít nhất là trong vòng 7 ngày.

Đối với BKS:

Tổng Giám đốc và các thành viên Bộ máy quản lý khác có trách nhiệm tiếp thu và phối hợp trong công tác với BKS Công ty.

Điều 28. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị trong trường hợp cần thiết.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.
3. Trường hợp Công ty không lập các tiểu ban thì HĐQT phân công nhiệm vụ cụ thể

cho từng thành viên phụ trách riêng về từng vấn đề.

CHƯƠNG VI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, người quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 30. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả.
4. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 31. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan

của các đối tượng này

1. Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015

3. Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong tập đoàn hoặc hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

b. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến

Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành.

3. Công ty tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Điều 32. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, Thư ký Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

CHƯƠNG VII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 33. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và qui định nội bộ của Công ty về công bố thông tin. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 34. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp.

2. Trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 35. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.
2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

CHƯƠNG VIII: CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 37. Giám sát

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Xử lý vi phạm

Trường hợp Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật người quản lý

1. Hàng năm, người quản lý phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình người có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, đánh giá.
2. Người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý có quyền xem xét khen thưởng, kỷ luật người được bổ nhiệm theo thủ tục do pháp luật về lao động, Điều lệ, Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động với người quản lý đó.

CHƯƠNG IX: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này gồm 9 chương 40 điều, được HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê thống nhất thông qua toàn văn và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những quy định tương ứng Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. HĐQT xem xét để sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho

phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

3. HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, những người quản lý, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Mai Thanh Phương

Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2023

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2023.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất và công nghệ Nhựa Pha Lê. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất và công nghệ nhựa Pha Lê bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người, nhiều nhất là 11 người. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối

hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử

hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc

và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 4 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể

là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng

quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 01 người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và/ hoặc thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [05 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác

định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng

tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan

hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất và công nghệ nhựa Pha Lê bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 06 năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Thanh Phương